

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC**  
**TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2013**

Địa chỉ đăng tải báo cáo: [www.sgd.edu.vn](http://www.sgd.edu.vn)



**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

63 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10 \* ĐT: (08)38.352.845 - (08)38.323.557  
Fax: (08) 38.307.141 \* Website: www.sgd.edu.vn \* Email: kinhdoanh@sgd.edu.vn

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Năm báo cáo : **2013**

### **I. Thông tin chung:**

#### **1/ Thông tin khái quát:**

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303280405

Vốn điều lệ : 41.370.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 41.370.000.000 đồng

Địa chỉ : 63 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10, TP.HCM

Điện thoại : (08) 38335798 Fax : (08) 38307141

Website : www.sgd.edu.vn

Mã cổ phiếu : SGD

#### **2. Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303280405 ngày 25 tháng 7 năm 2013 (thay đổi lần thứ 8) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 16/9/2009 theo giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 69/2006/GCNCP-VSD-2 của Trung Tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**3/ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh: In và mua bán các loại sách giáo dục của NXB Giáo dục Việt Nam; In- mua bán các loại ấn phẩm, tập vở học sinh phục vụ nhà trường, giáo viên, học sinh và phụ huynh;

- Địa bàn kinh doanh: 26 tỉnh, thành phố phía nam (từ Phú Yên, Đắk Lắk đến Kiên Giang, Cà Mau).

**4/ Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

- Mô hình quản trị: Là Công ty cổ phần, hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ (Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam) – Công ty con.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

HĐQT: Gồm 5 thành viên, trong đó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành;

Ban Giám đốc, KTT: Gồm 4 thành viên: Giám đốc, 2 Phó Giám đốc, KTT;

Phòng chuyên môn: Gồm 5 Phòng : Hành chính - Tổ chức, Kế toán – Tài vụ, Kế hoạch Kinh doanh - Tiếp thị, Quản lý In và Phát triển sản phẩm, Kho vận.

**5. Định hướng phát triển:****5.1/ Các mục tiêu chủ yếu:**

-Phân đầu đến năm 2015 chiếm lĩnh 30% thị phần sách tham khảo vào nhà trường của 26 tỉnh, thành phố phía nam;

-Đến 2015 sản phẩm ngoài sách chiếm 20% doanh thu-lợi nhuận hàng năm;

-Ổn định cơ sở vật chất: Văn phòng - Cửa hàng – Kho hàng, ổn định SX-KD và tăng tính cạnh tranh trên thị trường;

-Củng cố, phát triển nhân sự chất lượng cao đáp ứng tốt yêu cầu quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

**5.2/ Chiến lược phát triển trung, dài hạn:**

-Phát triển ổn định, giữ vững thị trường hiện có và phát triển thêm thị trường mới;

-Phát triển sản phẩm mới, đa dạng sản phẩm giáo dục phục vụ nhà trường, giáo viên, học sinh và phụ huynh;

-Quản lý chặt chẽ nguồn hàng, ưu tiên giải tỏa hàng hóa tồn kho;

-Nâng tầm các đối tác quan trọng, chủ yếu nhằm ổn định nguồn cung ứng vật tư, giấy in cũng đối tác kinh doanh chiến lược, ưu tiên phát triển theo chiều sâu;

-Duy trì quy mô doanh nghiệp xuất bản loại hai, đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả

**5.3/ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội, cộng đồng của Công ty:**

Công ty xác định chất lượng sản phẩm là quan trọng nhất, không chạy theo lợi nhuận bằng mọi giá, ưu tiên nguồn giấy in trong nước có chất lượng cao, ổn định, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường và sức khỏe cho người tiêu dùng.

**6. Các rủi ro:**

Sách giáo dục là sản phẩm chính của Công ty hiện nay, sản phẩm này có những rủi ro cơ bản như sau:

- Quá trình thay sách giáo khoa đã được 10 năm, các loại sách giáo dục bán kèm theo sách giáo khoa (sách bài tập, sách tham khảo, sách giáo viên...) đều đã bão hòa nhu cầu;

- Chủ trương đổi mới toàn diện nội dung, chương trình sách giáo khoa đang được xúc tiến và khả năng sau 2015 việc thay sách giáo khoa mới sẽ diễn ra, do đó nếu sách bán kèm sách giáo khoa chương trình cũ còn tồn kho sẽ không tiêu thụ được sau thời điểm này;

- Công tác quản lý, xét duyệt sách tham khảo vào nhà trường cũng như sách bán trên thị trường của cơ quan chức năng còn lỏng lẻo, nhiều sách kém chất lượng ra thị trường, cùng với vấn đề loạn sách tham khảo giáo dục đang gây tâm lí e ngại trong người tiêu dùng cũng ảnh hưởng đến khả năng phát hành của Công ty;

- Tình trạng vi phạm bản quyền ở Việt Nam vẫn diễn ra phổ biến, công ty cũng bị in lậu với số lượng lớn một số đầu sách bán chạy.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm 2013:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **1.1- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Số lượng phát hành: 15,6 triệu bản, vượt 17% kế hoạch đề ra**

**Doanh thu: 100,7 tỷ đồng, vượt 12% kế hoạch**

Trong đó:

- Số lượng PH sản phẩm ngoài sách: 7,093 triệu bản, doanh thu hơn 30 tỷ đồng

- Số lượng phát hành STK: 3.952.000 bản, đạt 79% KH, giảm 16,5% so với cùng kỳ năm 2012. STK xuất bản trước năm 2011 đã tiêu thụ được 465.000 bản.

Hoạt động phát hành chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những khó khăn, trở ngại khách quan lẫn chủ quan như đã đề cập trong phần đánh giá chung và thực trạng yếu kém của hoạt động xuất bản. STK tái bản tiếp tục giảm mãi lực, nhu cầu hàng năm giảm từ 15-20% tùy theo loại sách, tình trạng in lậu các sản phẩm bán chạy vẫn là nỗi nhức nhối chưa có biện pháp giải quyết triệt để. Đề tài mới quá ít, khả năng tiêu thụ không tốt. Bên cạnh đó, công tác tiếp thị chưa đáp ứng được yêu cầu, thiếu chiến lược là những nguyên nhân chính dẫn đến kết quả phát hành STK giảm sút.

Tuy vậy, trong bối cảnh hết sức khó khăn, công ty cũng đã nỗ lực hết sức và có hiệu quả khi thực hiện phát hành được gần 4 triệu bản STK, trong đó giải quyết tồn kho được 465.000 bản STK xuất bản trước năm 2011. Đồng thời đã nhạy bén trong việc tư vấn danh mục sách cấp cho các dự án lớn, góp phần giải tỏa hàng tồn kho, tăng hiệu quả kinh tế, khẳng định uy tín và khả năng hợp tác tốt với một số Công ty Sách - TBTH trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Trong năm 2013, công ty đã triển khai nhiều giải pháp để thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa tồn kho, tuy nhiên lượng hàng hóa còn tồn vẫn khá cao: Khoảng 1,5 bản (33,6 tỷ đồng giá bìa), trong đó STK tồn kho khoảng 1,3 triệu bản, riêng STK xuất bản trước năm 2011 còn tồn 628.000 bản, khoảng 15 tỷ đồng giá bìa (đã trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho) sẽ rất khó tiêu thụ.

Hoạt động phát hành SGK năm 2013 là kém hiệu quả, chiết khấu mua vào bị khống chế (20%), bộ phận chuyên môn thiếu nhạy bén với thị trường, tham mưu không tốt về chính sách bán hàng nên lượng SGK tồn kho cao, một số trường học nhận bán SGK thanh

toán chậm, không có hiệu quả kinh tế. Công tác huy động nhân sự tham gia đóng gói SGK cũng cần cân nhắc để không ảnh hưởng đến công việc chuyên môn khác.

Nhà sách Giáo dục Gò Vấp được khai trương giữa tháng 8 là cố gắng lớn của Công ty nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu sách giáo dục của giáo viên, phụ huynh và học sinh khu vực đông dân nhất TP.HCM này. Tuy nhiên, địa điểm mở nhà sách, thời điểm khai trương cũng như khâu tổ chức bán hàng, khai thác hàng hóa, tiếp thị của cửa hàng đều chưa tốt nên hiệu quả còn thấp. Năm 2014, sẽ thực hiện quy chế khoán để cửa hàng chủ động khai thác hàng hóa, linh hoạt chính sách bán hàng, hình thức phục vụ và tích cực tiếp thị để tăng hiệu quả phục vụ, tăng doanh thu, đảm bảo thu nhập cho người lao động.

**1.2- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Tỷ lệ/KH
Số lượng phát hành	Triệu bản	13,3	15,6	117%
Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	90	100,7	112%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6	6,2	103%
Cổ tức	%	12%	12%	100%

**2. Tổ chức và nhân sự:**

- Danh sách Ban điều hành

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu
1. Nguyễn Thị Chung	1956	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc	Đại học sư phạm	15/4/2009	1,015%
2. Ông Nguyễn Tuấn Kiệt	1948	Phó Giám đốc	Đại học sư phạm	15/4/2009	0,298%
3. Phạm Cảnh Toàn	1972	Phó Giám đốc	Đại học kinh tế	15/4/2009	0,502%
4. Bà Nguyễn Thị Lan Phương	1965	KTT	Đại học TCKT	15/4/2009	0,143%

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Trong năm 2013, Ban điều hành không có sự thay đổi về nhân sự.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Năm 2013, Công ty có 40 CBNV, tăng thêm 3 nhân viên so với cuối năm 2012 do mở 1 cửa hàng bán lẻ.

Công ty luôn đảm bảo các chế độ chính sách cho người lao động trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể kí kết trong Hội nghị người lao động. Điều kiện làm việc, thu nhập của người lao động ổn định.

### 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

**a/ Các khoản đầu tư lớn:** Trong năm 2013, Công ty không thực hiện các khoản đầu tư lớn, ngoài việc đóng tiền thuế chuyển quyền sử dụng đất Đa Phước (208 triệu đồng) và đầu tư mở Nhà Sách Giáo dục Gò Vấp khoảng 300 triệu đồng (kể cả tiền thuê mặt bằng).

**b/ Liên kết:** Năm 2013 không phát sinh đầu tư liên kết khác ngoài khoản đầu tư mua 40.000 cổ phần của Công ty CP Sách –TBTH Sóc Trăng là 840 triệu đồng (từ năm 2007)

### 4. Tình hình tài chính

#### a/Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2012 (đồng)	Năm 2013 (đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	70.568.843.657	67.503.487.982	-4,3%
Doanh thu thuần	117.302.555.050	100.707.258.437	-8,5%
LN từ HĐ SXKD	10.754.008.571	6.176.184.736	-42,6%
Lợi nhuận khác	397.551.138	8.930.217	
Lợi nhuận trước thuế	11.151.559.709	6.185.114.953	-44,5%
Lợi nhuận sau thuế	8.802.609.735	5.326.593.232	-43,2%
Tỷ lệ trả cổ tức	12%	12%	

Lợi nhuận giảm so với 2012 do năm 2012 có lợi nhuận từ bán nhà số 5 Bình Thới khoảng 4 tỷ đồng. Tính riêng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty năm 2013 tương đương năm 2012.

#### b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Hệ số tài chính	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<b>1.Chỉ tiêu khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/NNH)	2,76	3,8	
Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-TK/NNH)	1,83	2,6	
<b>2/Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	0,27	0,19	

Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,38	0,23	
<b>3/Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/TK)	4,44	5,56	
Doanh thu thuần/tổng tài sản	1,68	1,49	
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</b>			
Hệ số LNST / Doanh thu thuần	7,50 %	5,3%	
Hệ số LNST / Vốn CSH	17,32 %	9,7%	
Hệ số LNST / Tổng tài sản	12,57 %	7,8%	
Hệ số LNTT từ HĐKD / DTT	9,51 %	6,18%	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu cho thấy kết quả kinh doanh cũng các chỉ số tài chính đều không tốt bằng năm 2012, tuy vậy, các chỉ số tài chính này phản ánh trung thực kết quả kinh doanh của Công ty. Năm 2012 là ngoại lệ khi có lợi nhuận cao từ việc bán nhà.

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**a/Cổ phần:** 100% số cổ phần của Công ty đang lưu hành là chuyển nhượng tự do

**b/Cơ cấu cổ đông:**

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ sở hữu/CP lưu hành	Ghi chú
- Cổ đông lớn	6	55,89%	
- Cổ đông nhỏ	565	44,11%	
- Cổ đông tổ chức	16	28,46%	
- Cổ đông cá nhân	555	71,54%	
- Cổ đông trong nước	561	88,65%	
- Cổ đông ngoài nước	10	11,35%	
- Cổ đông Nhà nước	1	16,39%	
- Cổ đông khác	570	83,61%	

**c/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Trong năm không có thay đổi vốn đầu của chủ sở hữu dưới bất kì hình thức nào.

**d/ Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

+ Trong năm Công ty đã thực hiện bán cổ phiếu quỹ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2013:

Số lượng cổ phiếu bán trong năm là 400.000 cổ phiếu, với giá bán bình quân là 11.075 đồng/cp

+ Trong năm Công ty đã thực hiện Chương trình thưởng cổ phiếu cho người lao động bằng cổ phiếu quỹ, nguồn chi từ quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động năm 2012 là 100.000 cổ phiếu, giá bình quân bằng giá mua vào cổ phiếu quỹ.

Tổng số cổ phiếu quỹ đến 31/12/2013: 281.400 cổ phiếu, chiếm 6,8% vốn điều lệ

**e/ Chứng khoán khác:** Công ty không phát hành bất kì loại chứng nào khác

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc****1/ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn, tình hình kinh tế chưa khởi sắc, kinh phí Nhà nước eo hẹp, nhu cầu mua sắm sách tham khảo của người dân vẫn có xu hướng giảm.

Mặt khác, đề tài mới của NXBGD giảm sút nghiêm trọng, không có nhiều đề tài tốt, khả năng phát hành thấp.

Công tác phối hợp giữa các đơn vị thành viên trong hoạt động phát hành lỏng lẻo, hiện tượng cạnh tranh lẫn nhau vẫn diễn ra gây cản trở cho công tác phát hành và kém hiệu quả.

Hệ thống phát hành (đại lí, nhà sách) gặp khó khăn dẫn đến nợ nần dây dưa, doanh thu bán hàng giảm sút.

Cơ sở vật chất của Công ty chưa ổn định, chi phí thuê mướn cao. Cửa hàng mới mở chưa hiệu quả.

Các yếu tố khách quan lẫn chủ quan hầu như không thuận lợi, số lượng phát hành các loại sách giáo dục tiếp tục giảm 15%-17% so với cùng kì, song tập thể CBNV công ty đã nỗ lực khai thác phục vụ tối đa các dự án cung cấp sách giáo dục ở một số địa phương, mạnh dạn phát triển thêm sản phẩm ngoài sách để ổn định doanh thu, lợi nhuận. Đây là điểm sáng của năm 2013, việc này công ty cần tiếp tục duy trì, phát huy để ngăn đà giảm doanh thu sách giáo dục trong vài năm tiếp theo.

**2/ Tình hình tài chính:**

Doanh thu cả năm 2013 đạt 100,7 tỷ đồng vượt gần 12% so với kế hoạch, bằng 85,5% năm 2012 (năm 2012 có 22,3 tỷ doanh thu từ bán nhà)

Lợi nhuận ước đạt 6,2 tỷ đồng, 103% kế hoạch, bằng 55,3% năm 2012 (năm 2012 có 4 tỷ lợi nhuận từ bán nhà)



Năm 2013, hoạt động tài chính có một số thuận lợi nhất định: Một phần nguồn vốn từ bán nhà số 5 Bình Thới để lại, đối tác tạm ứng tiền để mua giấy in tập học sinh, nguồn vốn từ hỗ trợ thanh toán chậm của một số nhà cung ứng. Tuy nhiên, cũng có nhiều khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của công ty như:

- Chi phí giá thành, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lưu thông đều tăng do giá giấy, công in tăng, riêng chi phí thuê văn phòng, cửa hàng, kho hàng tăng đột biến so với năm 2012 (1,3 tỷ đồng/ 860 triệu đồng năm 2012)

- Việc thu hồi công nợ hết sức khó khăn do tình hình kinh doanh của khách hàng giảm sút. Một số trường hợp công nợ dây dưa, khó đòi.

- Hàng hóa tồn kho chậm tiêu thụ chiếm hơn 30% dẫn đến tăng chi phí dự phòng, tăng chiết khấu bán hàng để khuyến khích tiêu thụ.

- Chi phí khuyến mãi, xuất phí, tặng sách phục vụ hoạt động kinh doanh, hỗ trợ vùng khó khăn cũng tăng mạnh.

- Các chi phí khác như xăng, điện, điện thoại... đều tăng do đơn giá từ nhà cung cấp

- Năm 2013 không có khoản hỗ trợ từ NXBGD như năm 2012, trong khi phí xuất bản NXBGD thu tăng thêm 1-2% cũng tác động đến việc tăng chi phí.

#### **a/ Tình hình tài sản:**

Năm 2013, Công ty đã thực hiện một số công việc quan trọng nhằm cơ cấu lại vốn chủ sở hữu, như bán ra cổ phiếu quỹ (có thặng dư vốn khoảng 1,5 tỷ đồng), giảm tối đa giá trị hàng hóa tồn kho trong khả năng có thể bằng chi phí dự phòng, khuyến mãi giảm giá..... Tuy nhiên, cơ cấu vốn hiện nay của công ty là chưa hợp lý do tỉ lệ tài sản cố định + hàng tồn kho vẫn ở mức cao.

Trong đó, tổng giá trị tài sản cố định là trên 17,4 tỷ đồng hiện tại không sinh lợi tiếp tục gây áp lực lớn về vốn cho hoạt động kinh doanh. Cần có biện pháp nhanh chóng, hữu hiệu để phát huy giá trị sử dụng của hai bất động sản lớn, phục vụ kinh doanh, hoặc cho thuê để hạn chế thiệt hại kinh tế.

Hàng tồn kho tuy có giảm so với cùng kì, tuy nhiên chất lượng hàng tồn kho là đáng báo động, lượng sách chậm tiêu thụ chiếm gần 50% lượng hàng tồn kho phải có biện pháp mạnh để thu hồi vốn.

Trong khoản “phải thu của khách hàng”, có khoảng 1,2 tỷ nợ quá hạn, dây dưa, khó đòi đã được dự phòng (khoảng 800 triệu). Khả năng đòi hết số nợ này là không khả thi.

#### **b/ Tình hình nợ phải trả:**

Nợ phải trả cuối kì 2013 giảm 47% so với năm 2012, do việc mua giấy dữ trữ phục vụ mùa phát hành 2014 giảm. Chỉ tiêu này giảm chưa hẳn đã tích cực, mùa vụ 2014 có thể bị ảnh hưởng nếu giá giấy biến động lớn.

Trong năm 2013, cơ bản BGD đã thực hiện thanh toán cho các đối tác, cơ quan quản lý Nhà nước và cho người lao động đúng theo yêu cầu, quy định.

**3/ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lí:**

- Chính sách quản lí, điều hành có tính thống nhất, bài bản từ nhiều năm và đã vận hành tốt trong năm 2013.
- Để đảm bảo hoạt động quản lí hiệu quả, BGD đã đề bạt một số cán bộ cấp trưởng phó phòng.
- Với cơ cấu 5 phòng chuyên môn, hoạt động kinh doanh của công ty diễn ra bình thường, các phòng hoàn thành khá tốt nhiệm vụ được giao và có hỗ trợ qua lại chặt chẽ, tự giác và hiệu quả.

**4/ Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

- Đẩy mạnh hợp tác đa phương nhằm có thêm sản phẩm mới (sách và sản phẩm khác) phục vụ nhà trường, xã hội. Phân đầu lợi nhuận từ sản phẩm mới, sản phẩm ngoài sách đạt 1,5 tỷ đồng.
- Giữ vững thị trường sách giáo dục hiện có, phát triển thêm khách hàng mới, mở thêm cửa hàng bán lẻ, phân đầu phát hành sách giáo dục đạt 70 tỷ đồng, lợi nhuận trên 4 tỷ đồng. Tiếp tục linh hoạt chính sách bán hàng, phục vụ tốt nhu cầu khách hàng, thu hồi công nợ đúng hạn.
- Có biện pháp tích cực, quyết liệt để giảm số lượng hàng hóa tồn kho, phân đầu đưa mức tồn kho xuống dưới 1 triệu bản (khoảng 20 tỷ giá bìa) vào cuối năm 2014, sách nhập mua tồn kho không quá 100.000 bản. Đồng thời dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho ở mức hợp lí, đảm bảo an toàn vốn.
- Đầu tư xây dựng văn phòng hợp lí, thu hẹp diện tích thuê kho để tiết kiệm chi phí, có hướng giải quyết đối với bất động sản không sinh lời.
- Tính toán hợp lí thời điểm nhập – xuất vật tư, hàng hóa, tránh gây áp lực thanh toán, sử dụng vốn lưu động hiệu quả, tiết kiệm các loại chi phí quản lí doanh nghiệp, chi phí bán hàng.

**5/Giải trình của Ban Giám đốc đối với các ý kiến của Kiểm toán:**

Ban Giám đốc công ty thông nhất với các ý kiến của Kiểm toán, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các khuyến cáo của Kiểm toán viên nhằm mục đích minh bạch, chính xác và đúng luật tất cả các hoạt động tài chính của Công ty trên cơ sở các quy định hiện hành, điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013 và các đặc thù ngành nghề kinh doanh...

**IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty****V. Quản trị Công ty****1. Hội đồng quản trị:****a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:**

Từ tháng 11/2013, thành viên HĐQT có thay đổi: Ông Bùi Tất Tươi xin từ nhiệm, HĐQT đã bầu ông Ngô Trọng Vinh làm thành viên HĐQT

Họ và tên	Chức vụ HĐQT	Chức vụ BDH	Tỷ lệ sở hữu CP
1. Nguyễn Thị Chung	Chủ tịch	Giám đốc	1,015%
2. Phạm Cảnh Toàn	Thành viên	Phó Giám đốc	0,502%
3. Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên	Kế toán trưởng	0,143%
4. Đỗ Thành Lâm	Thành viên		0,026%
5. Ngô Trọng Vinh	Thành viên		5,369%

**b. Hoạt động của HĐQT:**

▪ **Các cuộc họp và Nghị quyết của HĐQT**

Năm 2013, HĐQT đã tổ chức họp 7 cuộc họp HĐQT – BGD, để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua các phương án, kế hoạch hoạt động sản xuất, đã ban hành 7 Nghị quyết để BGD thực hiện. Các cuộc họp đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo yêu cầu, trình tự, nguyên tắc theo quy định Điều lệ của Công ty.

Nghị quyết của HĐQT trong 7 cuộc họp đề cập đến các vấn đề cơ bản:

- Nội dung, chương trình ĐHĐCĐ năm 2013 (chốt danh sách Cổ đông, tạm ứng cổ tức 2012)
- Phương hướng - Kế hoạch - Chi tiêu cơ bản năm 2013.
- Mua cổ phiếu quỹ 30%.
- Triển khai thực hiện các thủ tục liên quan xây dựng Văn phòng 363 Hưng Phú, quận 8. Đồng ý dự án đầu tư, thiết kế 363 Hưng Phú: 1 triệt; 1 lửng; 2 lầu và sân thượng (móng chò 7 tầng)
- Thông qua chủ trương xây dựng kho sách tại Đa Phước, Bình Chánh.
- Thông qua Phương án - số lượng bán Cổ phiếu Quỹ, cơ cấu lại vốn chủ sở hữu.
- Đồng ý phương án thuê mặt bằng mở Cửa hàng bán lẻ tại 53/6A Phạm Văn Chiêu, Gò Vấp, giá thuê 15triệu/ tháng.
- Thống nhất tờ trình và Quy chế thưởng cổ phiếu quỹ cho người Lao động trong năm 2013.
- Thông qua danh sách, đồng ý bổ nhiệm, đề bạt, tuyển dụng trong Công ty
- Thông qua đơn xin từ nhiệm Ủy viên HĐQT của Ông Bùi Tất Tươi, bầu bổ sung Ông Ngô Trọng Vinh đại diện nhóm cổ đông lớn vào HĐQT nhiệm kỳ 2009 – 2013.

▪ **Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị**

❖ **Những việc đã làm được:**

+ **Chỉ tiêu cơ bản:**

- Doanh thu: 100,7 tỷ đạt 112% / KH; so năm 2012 đạt 86%.
- Lợi nhuận trước thuế: 6,2 tỷ đạt 103% /KH; so năm 2012 đạt 55.3%
- Chi trả Cổ tức: 12%; đạt 100%/KH, bằng năm 2012
- Đơn giá tiền lương: 6đ/ 10 đồng lợi nhuận trước thuế.
- Thù lao HĐQT, BKS, quỹ khen thưởng BDH và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: Theo nghị quyết đã thông qua.

**+ Công việc khác:**

- Lập thiết kế, dự trù kinh phí xây dựng Văn phòng tại 363 Hưng Phú quận 8 (dự kiến 7 tỷ).
- Đã hoàn tất giấy chủ quyền đất tại Đa Phước, Bình chánh.
- Thực hiện việc phát hành 100.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho 30 lao động (ESOP) nguồn trích từ Quỹ khen thưởng 2012 của người lao động.
- Chọn Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán AAC là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.
- Bà Nguyễn Thị Chung, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành, quản lý Công ty đến hết nhiệm kỳ tháng 4 - 2014.

**❖ Những việc chưa làm được, hạn chế:**

- Cơ sở vật chất: Chưa thực hiện xây dựng Văn phòng làm việc 363 Hưng Phú, chờ kiểm tra, góp ý từ Cổ đông lớn.
- Cổ phiếu: Không thực hiện việc mua cổ phiếu quỹ, do nhu cầu về vốn cho xây dựng Văn phòng làm việc.

**2. Ban kiểm soát:**

**a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:**

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn lưu hành	Ghi chú
1.Phan Xuân phương	Trưởng Ban	0,16%	
2. Đỗ Phương Thảo	Thành viên	0,12%	
3. Huỳnh Thị Thùy Trang	Thành viên	0,10%	

**b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

BKS đã thực hiện đúng vai trò, nhiệm vụ của mình trong việc kiểm soát hoạt động SXKD của công ty và giám sát hoạt động của HĐQT và BGD cũng như thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính của công ty.

Tuy vậy, hoạt động của BKS chưa thường xuyên, công việc tập trung ở trưởng ban, các thành viên khác làm việc chưa có trách nhiệm.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS:**

**a. Lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

- Thù lao HĐQT được trích theo mức 5%/lợi nhuận sau thuế năm 2013 là 247.450.000 đồng

- Đã chi hết sau khi kiểm toán.

- Các chi phí giao dịch, công tác phí của HĐQT, BKS được thực hiện theo đúng quy chế của Công ty.

**b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan:**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Chung	CT HĐQT	33.050	0,857%	39.150	1,015%	Thưởng CP ESOP 2013
2	Phạm Cảnh Toàn	Thành viên HĐQT	20.550	0,532%	19.350	0,502%	Nhu cầu tài chính cá nhân
3	Ngô Trọng Vinh	UV HĐQT	0	0%	207.000	5,369%	Mua cổ phiếu
4	Nguyễn Tuấn Kiệt	PGĐ	6.000	0,155%	11.500	0,298%	Thưởng CP ESOP 2013
5	Nguyễn Thị Lan Phương	KTT, UV HĐQT	0	0%	5.500	0,143%	Thưởng CP ESOP 2013
6	Phan Xuân Phương	Trưởng BKS	2.000	0,051%	6.100	0,158%	Thưởng CP ESOP 2013
7	Huỳnh Thị Thùy Trang	Thành viên BKS	600	0,015%	4.200	0,109%	Thưởng CP ESOP 2013
8	Ngô Trọng Quang	NCLQ	0	0%	188.800	4,897%	Mua cổ phiếu
9	Công ty CP đầu tư CMC	NCLQ	0	0%	219.900	5,703%	Mua cổ phiếu
10	Nguyễn Thị La	NCLQ	0	0%	207.000	5,369%	Mua cổ phiếu
11	Peter Eric Dennis	Cổ đông lớn	0	0%	371.800	9,643%	Mua cổ phiếu
12	Ngô Phương	Cổ đông lớn	0	0%	493.300	12,794%	Mua cổ phiếu

Anh							
-----	--	--	--	--	--	--	--

## VI. Báo cáo tài chính:

- Ý kiến của kiểm toán: Phần này sao chép nội dung trích từ báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 của Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC

**Số: 108/2014/BCKT-AAC**

**Đà Nẵng, ngày 03 tháng 03 năm 2014**

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông**

**Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 21/02/2014 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 29.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát

nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

---

**Trần Thị Phương Lan**

Phó Tổng Giám đốc

*Chứng chỉ hành nghề số 0396-2013-  
010-1*

---

**Trần Dương Nghĩa**

Kiểm toán viên

*Chứng chỉ hành nghề số 1309-2013-  
010-1*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Ngày 31 tháng 12 năm 2013**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>48.555.552.703</b>	<b>53.473.639.441</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>14.410.730.227</b>	<b>15.350.780.165</b>
1. Tiền	111		4.910.730.227	2.350.780.165
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.500.000.000	13.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7</b>	<b>332.000.000</b>	<b>316.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		468.360.080	468.360.080
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(136.360.080)	(152.360.080)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.074.738.197</b>	<b>18.611.065.683</b>
1. Phải thu khách hàng	131		12.587.558.055	14.878.063.426
2. Trả trước cho người bán	132		6.043.741.129	4.217.408.779
3. Các khoản phải thu khác	135	8	244.203.333	67.000.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(800.764.320)	(551.406.522)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>14.929.466.383</b>	<b>17.737.579.820</b>
1. Hàng tồn kho	141		17.556.154.583	19.915.317.800
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.626.688.200)	(2.177.737.980)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>808.617.896</b>	<b>1.458.213.773</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	22.748.083	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		216.784.902	313.964.634
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	195.904.664	765.671.673
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	373.180.247	378.577.466
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>18.947.935.279</b>	<b>17.095.204.216</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.463.719.064</b>	<b>15.955.167.716</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	480.953.362	349.127.743
- Nguyên giá	222		1.532.273.363	1.457.789.590
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.051.320.001)	(1.108.661.847)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	16.889.064.338	-
- Nguyên giá	228		16.906.969.677	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.905.339)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	93.701.364	15.606.039.973
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>840.000.000</b>	<b>840.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		840.000.000	840.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>644.216.215</b>	<b>300.036.500</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	644.216.215	300.036.500
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>67.503.487.982</b>	<b>70.568.843.657</b>



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.734.859.088</b>	<b>19.181.825.120</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.734.859.088</b>	<b>19.181.825.120</b>
1. Phải trả người bán	312		6.693.006.029	12.946.247.390
2. Người mua trả tiền trước	313		144.872.644	2.023.093.633
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	54.147.106	61.784.908
4. Phải trả người lao động	315		1.336.971.876	1.723.943.272
5. Chi phí phải trả	316	19	3.987.556.511	2.273.523.939
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	187.386.201	142.160.757
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		330.918.721	11.071.221
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>54.768.628.894</b>	<b>51.387.018.537</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>54.768.628.894</b>	<b>51.387.018.537</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	41.370.000.000	41.370.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	1.712.000.000	140.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414	21	(2.035.282.090)	(5.651.552.090)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	21	2.862.449.329	2.862.449.329
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	21	1.517.632.156	1.517.632.156
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	9.341.829.499	11.148.489.142
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>67.503.487.982</b>	<b>70.568.843.657</b>

**BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	22	101.148.165.350	117.912.299.539
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	440.906.913	609.744.489
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	22	100.707.258.437	117.302.555.050
4. Giá vốn hàng bán	11	23	<u>82.816.729.001</u>	<u>94.817.540.809</u>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b><u>17.890.529.436</u></b>	<b><u>22.485.014.241</u></b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	834.790.090	924.108.422
7. Chi phí tài chính	22	25	(246.831)	(41.101.743)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		6.857.713.141	6.031.825.197
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		<u>5.691.668.480</u>	<u>6.664.390.638</u>
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b><u>6.176.184.736</u></b>	<b><u>10.754.008.571</u></b>
11. Thu nhập khác	31	26	18.209.908	1.219.600.244
12. Chi phí khác	32	27	<u>9.279.691</u>	<u>822.049.106</u>
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b><u>8.930.217</u></b>	<b><u>397.551.138</u></b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>28</b>	<b><u>6.185.114.953</u></b>	<b><u>11.151.559.709</u></b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	858.521.721	1.784.587.115
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>28</b>	<b><u>5.326.593.232</u></b>	<b><u>9.366.972.594</u></b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.536	2.572

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	104.229.787.077	106.632.596.447
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(96.716.363.055)	(69.216.434.473)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.002.052.225)	(4.805.828.288)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(288.754.712)	(3.459.980.935)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.608.634.340	2.185.892.456
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.795.689.047)	(6.232.042.610)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>35.562.378</b>	<b>25.104.202.597</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.744.538.732)	(6.959.340.122)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	18.090.909	10.710.910
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.000.000.000)	(43.030.080)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	7.000.000.000	1.015.200
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	836.622.507	759.454.680
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(889.825.316)</b>	<b>(6.231.189.412)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	4.465.000.000	-
2. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	(3.507.008.040)
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(2.035.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.550.787.000)	(3.067.350.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(85.787.000)</b>	<b>(8.609.358.040)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(940.049.938)</b>	<b>10.263.655.145</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.350.780.165	5.087.125.020
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>14.410.730.227</b>	<b>15.350.780.165</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25 tháng 07 năm 2013 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở chính));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty.

## 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

## 3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định sửa đổi, bổ sung theo có liên quan và hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

## 4. Các chính sách kế toán áp dụng

### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

#### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

##### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

##### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

#### 4.6 Tài sản cố định vô hình

##### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

#### **4.7 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### **4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **4.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

#### **4.10 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ, được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

#### **4.11 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không có khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế

toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

#### 4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện

- Thuế Giá trị gia tăng:
  - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: thuộc đối tượng không chịu thuế.
  - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: áp dụng thuế suất 5%.
  - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% đối với thu nhập từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản. Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Cơ sở áp dụng thuế suất 10%: Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính, Luật Xuất bản và Công văn số 1895/CV-NXBGDVN ngày 08/12/2012 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam gửi Vụ chính sách thuế Bộ Tài chính và Công văn trả lời số 6833/BTC-CST ngày 29/05/2013 của Vụ chính sách thuế - Bộ Tài chính.

- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

#### 4.14 Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

###### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

###### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

**5. Điều chỉnh hồi tố**

<b>Bảng cân đối kế toán</b>	<b>Mã số</b>	<b>Số liệu tại ngày 31/12/2012</b>		<b>Chênh lệch VND</b>
		<b>Số liệu tại ngày 31/12/2012 VND</b>	<b>Số liệu tại ngày 31/12/2012 (Trình bày lại) VND</b>	
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	201.308.814	765.671.673	564.362.859
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	10.584.126.283	11.148.489.142	564.362.859

  

<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>	<b>Mã số</b>	<b>Số liệu năm 2012</b>		<b>Chênh lệch VND</b>
		<b>Số liệu năm 2012 VND</b>	<b>Số liệu năm 2012 (Trình bày lại) VND</b>	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.348.949.974	1.784.587.115	(564.362.859)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	8.802.609.735	9.366.972.594	564.362.859
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.417	2.572	155

Công ty đã điều chỉnh lại chi phí thuế TNDN năm 2012 do điều chỉnh mức thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động xuất bản (từ mức thuế suất 25% về mức thuế suất 10%) theo quy định tại Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Công văn số 6833/BTC-CST ngày 29/05/2013 của Bộ Tài chính. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố này làm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 giảm 564.362.859 đồng. Theo đó, khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tăng 564.362.859 đồng và khoản mục “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước” tăng tương ứng.

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
Tiền mặt	24.254.498	226.597.983
Tiền gửi ngân hàng	4.886.475.729	2.124.182.182
Tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 3 tháng)	9.500.000.000	13.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.410.730.227</b>	<b>15.350.780.165</b>

**7. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>31/12/2013</b>		<b>31/12/2012</b>	
	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Giá trị VND</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Giá trị VND</b>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	40.000	468.360.080	40.000	468.360.080
- Cổ phiếu C/ty CP Sách GD TP Hà Nội (EBS)	40.000	468.360.080	40.000	468.360.080
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(136.360.080)		(152.360.080)
<b>Cộng</b>		<b>332.000.000</b>		<b>316.000.000</b>



**8. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	25.208.333	67.000.000
Phải thu Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	200.000.000	-
Phải thu khác	18.995.000	-
<b>Cộng</b>	<b>244.203.333</b>	<b>67.000.000</b>

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.846.011.100	3.645.329.739
Chi phí SX, KD dở dang	4.352.166.070	1.438.534.788
Thành phẩm	11.128.220.821	14.831.453.273
Hàng hóa	229.756.592	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.626.688.200)	(2.177.737.980)
<b>Cộng</b>	<b>14.929.466.383</b>	<b>17.737.579.820</b>

**10. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí phần mềm chờ phân bổ	10.000.000	-
Chi phí bảo hiểm xe ô tô chờ phân bổ	12.748.083	-
<b>Cộng</b>	<b>22.748.083</b>	<b>-</b>

**11. Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế TNDN nộp thừa	195.904.664	765.671.673
<b>Cộng</b>	<b>195.904.664</b>	<b>765.671.673</b>

**12. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	9.942.167	121.537.472
Ký quỹ ngắn hạn	363.238.080	257.039.994
<b>Cộng</b>	<b>373.180.247</b>	<b>378.577.466</b>

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	-	1.251.310.106	206.479.484	1.457.789.590
Đ/tư XDCB h/thành	352.634.937	-	-	352.634.937
T/lý, nhượng bán	-	56.000.000	-	56.000.000
Giảm theo TT 45	-	15.671.680	206.479.484	222.151.164
<b>Số cuối năm</b>	<b>352.634.937</b>	<b>1.179.638.426</b>	<b>-</b>	<b>1.532.273.363</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	-	970.542.322	138.119.525	1.108.661.847
Khấu hao trong năm	58.772.489	80.181.818	-	138.954.307
T/lý, nhượng bán	-	56.000.000	-	56.000.000
Giảm theo TT 45	-	2.176.628	138.119.525	140.296.153
<b>Số cuối năm</b>	<b>58.772.489</b>	<b>992.547.512</b>	<b>-</b>	<b>1.051.320.001</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	-	280.767.784	68.359.959	349.127.743
<b>Số cuối năm</b>	<b>293.862.448</b>	<b>187.090.914</b>	<b>-</b>	<b>480.953.362</b>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là: 698.547.517 đồng.

Không có tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2013.

**14. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất 363 Hưng Phú VND	Quyền sử dụng đất huyện Bình Chánh VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	-	-	-
Đ/tư XDCB h/thành	6.468.156.872	10.438.812.805	16.906.969.677
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.468.156.872</b>	<b>10.438.812.805</b>	<b>16.906.969.677</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	17.905.339	17.905.339
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>17.905.339</b>	<b>17.905.339</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.468.156.872</b>	<b>10.420.907.466</b>	<b>16.889.064.338</b>

Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m<sup>2</sup>. Mục đích sử dụng: xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/07/2062 tại thửa đất số 159, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 595,8 m<sup>2</sup>. Mục đích sử dụng: xây dựng kho chứa sách và thiết bị trường học.

**15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí mua 03 lô đất tại Xã Đa Phước, Huyện Bình Chánh	-	9.021.039.973
Chi phí mua nhà 363 Hưng Phú, Quận 8	-	6.585.000.000
Chi phí thăm tra, khảo sát địa chất tại nhà 363 Hưng Phú	93.701.364	-
<b>Cộng</b>	<b>93.701.364</b>	<b>15.606.039.973</b>

**16. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác	40.000	840.000.000	40.000	840.000.000
- Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng	40.000	840.000.000	40.000	840.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn		-		-
<b>Cộng</b>		<b>840.000.000</b>		<b>840.000.000</b>

Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng. Cổ phiếu của Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng cũng chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm cuối năm 2013. Do đó, khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo giá gốc đầu tư và không trích lập dự phòng.

**17. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí tổ chức bán thảo	603.288.709	300.036.500
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	40.927.506	-
<b>Cộng</b>	<b>644.216.215</b>	<b>300.036.500</b>

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập cá nhân	54.147.106	61.784.908
<b>Cộng</b>	<b>54.147.106</b>	<b>61.784.908</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**19. Chi phí phải trả**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trích trước chi phí bản thảo	2.894.569.632	1.629.192.269
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới	972.986.879	604.331.670
Trích trước chi phí kiểm toán	50.000.000	40.000.000
Trích trước chi phí khám sức khỏe CBNV	70.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.987.556.511</b>	<b>2.273.523.939</b>

**20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	36.858.201	76.785.757
Cổ tức phải trả	150.528.000	3.475.000
Phải trả khác	-	61.900.000
<b>Cộng</b>	<b>187.386.201</b>	<b>142.160.757</b>

**21. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/12	41.370.000.000	140.000.000	(2.144.544.050)	2.862.449.329	1.517.632.156	4.850.366.548
Tăng trong năm	-	-	(3.507.008.040)	-	-	9.367.722.594
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	3.069.600.000
<b>Số dư tại 31/12/12</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>140.000.000</b>	<b>(5.651.552.090)</b>	<b>2.862.449.329</b>	<b>1.517.632.156</b>	<b>11.148.489.142</b>
Số dư tại 01/01/13	41.370.000.000	140.000.000	(5.651.552.090)	2.862.449.329	1.517.632.156	11.148.489.142
Tăng trong năm	-	1.572.000.000	-	-	-	5.326.593.232
Giảm trong năm	-	-	(3.616.270.000)	-	-	7.133.252.875
<b>Số dư tại 31/12/13</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>1.712.000.000</b>	<b>(2.035.282.090)</b>	<b>2.862.449.329</b>	<b>1.517.632.156</b>	<b>9.341.829.499</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ %	31/12/2013 VND	Tỷ lệ %	31/12/2012 VND
Vốn đầu tư của NXBGD	15,28	6.320.000.000	15,28	6.320.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	77,92	32.236.000.000	65,84	27.236.000.000
Cổ phiếu quỹ	6,80	2.814.000.000	18,88	7.814.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>41.370.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu thường	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	281.400	781.400
- Cổ phiếu thường	281.400	781.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.855.600	3.355.600
- Cổ phiếu thường	3.855.600	3.355.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

#### d. Cổ phiếu quỹ

Nhằm mục đích cơ cấu lại vốn chủ sở hữu, Công ty đã bán 400.000 cổ phiếu quỹ từ ngày 19/09/2013 đến ngày 30/09/2013.

Nhằm mục đích nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của người lao động; tạo động lực để người lao động luôn phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, gắn lợi ích của người lao động với kết quả hoạt động của Công ty; thu hút lao động có chất lượng cao, giữ chân nhân viên giỏi;... , Công ty đã phát hành 100.000 cổ phiếu quỹ để thưởng cho cán bộ, công nhân viên (chương trình ESOP).

#### e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	11.148.489.142	4.850.366.548
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.326.593.232	9.366.972.594
Phân phối lợi nhuận năm trước	7.133.252.875	3.069.600.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.967.064.245	-
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	468.348.630	-
- Chia cổ tức	4.697.840.000	3.069.600.000
Hoàn nhập cổ tức năm 2006 trích thừa vào lợi nhuận sau thuế	-	750.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>9.341.829.499</b>	<b>11.148.489.142</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 số 72/NQ ngày 29/03/2013.

#### 22. Doanh thu

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu	101.148.165.350	117.912.299.539
+ Doanh thu bán sách giáo khoa, sách tham khảo	99.828.906.746	95.182.807.901
+ Doanh thu bán giấy ruột	-	246.364
+ Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	-	22.329.285.455
+ Doanh thu hoạt động khác	1.319.258.604	399.959.819
Các khoản giảm trừ doanh thu	440.906.913	609.744.489
+ Hàng bán bị trả lại	440.906.913	609.744.489
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>100.707.258.437</b>	<b>117.302.555.050</b>

#### 23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	81.089.564.645	77.720.878.920
Giá vốn giấy ruột	-	241.064
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	-	16.252.052.750
Giá vốn hoạt động khác	1.278.214.136	334.493.913
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	448.950.220	509.874.162
<b>Cộng</b>	<b>82.816.729.001</b>	<b>94.817.540.809</b>

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	754.830.840	789.341.880
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.000.000	37.112.800
Chiết khấu thanh toán nhanh	39.959.250	97.653.742
<b>Cộng</b>	<b>834.790.090</b>	<b>924.108.422</b>

**25. Chi phí tài chính**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chiết khấu thanh toán	15.753.169	22.319.377
Lỗ đầu tư tài chính	-	77.850
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(16.000.000)	(63.498.970)
<b>Cộng</b>	<b>(246.831)</b>	<b>(41.101.743)</b>

**26. Thu nhập khác**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu tiền hỗ trợ di dời trả lại Văn phòng 240 Trần Bình Trọng	-	1.200.000.000
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	-	2.490.909
Thu thanh lý tài sản cố định	18.090.909	10.710.910
Hoàn nhập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	6.383.781
Thu nhập khác	118.999	14.644
<b>Cộng</b>	<b>18.209.908</b>	<b>1.219.600.244</b>

**Chi phí khác**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí di dời trả lại Văn phòng 240 Trần Bình Trọng	-	801.390.544
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	9.879.545
Truy thu thuế, nộp phạt thuế	8.476.834	10.699.933
Chi phí khác	802.857	79.084
<b>Cộng</b>	<b>9.279.691</b>	<b>822.049.106</b>

**27. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.185.114.953	11.151.559.709
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(31.523.166)	(26.412.867)
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý)	8.476.834	10.699.933
- Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	40.000.000	37.112.800
Tổng thu nhập chịu thuế	6.153.591.787	11.125.146.842
- Thu nhập từ hoạt động xuất bản	5.148.160.419	5.374.884.372
- Thu nhập từ các hoạt động khác	1.005.431.368	5.750.262.470
Thuế thu nhập doanh nghiệp	766.173.884	1.975.054.055
- Thuế TNDN của hoạt động xuất bản (10%)	514.816.042	537.488.437
- Thuế TNDN của hoạt động khác (25%)	251.357.842	1.437.565.618
Thuế TNDN được giảm 30%	-	231.466.269
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	858.521.721	1.784.587.115
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	766.173.884	1.743.587.786
- Chi phí thuế TNDN các năm trước điều chỉnh vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	92.347.837	40.999.329
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>5.326.593.232</b>	<b>9.366.972.594</b>

**28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.326.593.232	9.366.972.594
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	5.326.593.232	9.366.972.594
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.468.203	3.641.749
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.536</b>	<b>2.572</b>

**29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.102.452.965	22.270.616.126
Chi phí nhân công	4.398.125.871	6.556.421.759
Chi phí khấu hao tài sản cố định	156.859.646	168.497.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.623.917.068	17.948.295.390
Chi phí khác bằng tiền	5.963.896.929	4.785.488.198
<b>Cộng</b>	<b>66.245.252.479</b>	<b>51.729.318.506</b>

**30. Công cụ tài chính**

**a) Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các

cổ đông.

**b) Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

*Quản lý rủi ro tín dụng*

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong Tập đoàn Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đại lý, Sở giáo dục, trường học..., các Công ty không nằm trong Tập đoàn Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong Tập đoàn Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học, các Công ty không thuộc Tập đoàn Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Ban Giám đốc Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<b>31/12/2013</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	6.693.006.029	-	6.693.006.029
Chi phí phải trả	3.987.556.511	-	3.987.556.511
Phải trả khác	150.528.000	-	150.528.000
<b>Cộng</b>	<b>10.831.090.540</b>	<b>-</b>	<b>10.831.090.540</b>
<b>31/12/2012</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	12.946.247.390	-	12.946.247.390
Chi phí phải trả	2.273.523.939	-	2.273.523.939
Phải trả khác	65.375.000	-	65.375.000
<b>Cộng</b>	<b>15.285.146.329</b>	<b>-</b>	<b>15.285.146.329</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:



<b>31/12/2013</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.410.730.227	-	14.410.730.227
Đầu tư tài chính	332.000.000	840.000.000	1.172.000.000
Phải thu khách hàng	11.786.793.735	-	11.786.793.735
Phải thu khác	244.203.333	-	244.203.333
Tài sản tài chính khác	363.238.080	-	363.238.080
<b>Cộng</b>	<b>27.136.965.375</b>	<b>840.000.000</b>	<b>27.976.965.375</b>
<b>31/12/2012</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.350.780.165	-	15.350.780.165
Đầu tư tài chính	316.000.000	840.000.000	1.156.000.000
Phải thu khách hàng	14.326.656.904	-	14.326.656.904
Phải thu khác	67.000.000	-	67.000.000
Tài sản tài chính khác	257.039.994	-	257.039.994
<b>Cộng</b>	<b>30.317.477.063</b>	<b>840.000.000</b>	<b>31.157.477.063</b>

### 31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất, kinh doanh sách và bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

### 32. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

**a. Thông tin về các bên liên quan****Công ty liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
CN NXBGD tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bán đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch & Từ Điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm tài chính**

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Năm 2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
<b>Bán hàng</b>			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Cung ứng sách tham khảo	507.532.922	154.517.296
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Cung ứng sách tham khảo	3.988.666.612	5.605.982.830
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo	3.828.409.780	4.414.990.760
Công ty CP Sách & TB Bình Thuận	Cung ứng sách tham khảo	384.860.484	429.386.114
Công ty CP Sách TBTH TP Hồ Chí Minh	Cung ứng sách tham khảo	966.038.994	1.079.616.157
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Cung ứng sách tham khảo	14.586.214.757	13.418.516.966
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Cung ứng sách tham khảo	123.703.400	203.953.400
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	Cung ứng sách tham khảo	722.276.397	464.887.400
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Cung ứng sách tham khảo	299.495.337	708.904.643
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Nhập giấy, tem	8.603.078.500	520.267.500
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Nhập tem, phí q/ly XB	1.839.257.700	990.709.500
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Nhập sách tham khảo	3.038.345.200	352.751.448
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Nhập sách, tiền bản thảo	3.362.556.055	3.079.812.593
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	6.104.675.510	5.752.380.510
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Nhập sách tham khảo	1.131.506.550	2.060.723.030
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	820.280.520	3.277.832.163
Công ty CP Sách Dân Tộc	Nhập sách, tiền bản thảo	3.329.085.226	4.253.879.492
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Nhập sách	3.423.853.213	4.778.642.959
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Nhập sách tham khảo	444.136.178	605.864.914
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Nhập sách, tiền bản thảo	1.792.454.388	1.059.857.987
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	Nhập sách, tiền bản thảo	626.224.220	137.288.445
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Nhập sách	3.657.360.081	3.277.832.163
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông	Nhập sách tham khảo	503.282.457	1.012.131.848
<b>Giao dịch khác</b>			
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	Cho vay	7.000.000.000	-
	Nhận lại tiền cho vay	7.000.000.000	-
	Lãi cho vay	476.024.149	-

**c. Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:**

<b>Công ty liên quan</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>		
CN NXBGD tại TP. Cần Thơ	55.656.983	13.119.832
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	808.184.751	2.798.822.254
Công ty CP Học liệu (EMCO)	-	327.574.123
Công ty CP Sách & TB Bình Thuận	159.951.447	237.704.782
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	438.746.579	184.369.265
Công ty CP Sách TBTH TP Hồ Chí Minh	199.963.031	219.022.929
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	137.790.884	514.817.547
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	391.847.806	39.975.296
Công ty CP Sách dịch & Từ Điển Giáo dục	-	399.123.268
<b>Phải trả cho người bán</b>		
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	-	99.328.153
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	87.542.994	176.255.490
NXBGD tại TP. Hà Nội	-	306.249.467
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	-	142.841.500
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	435.491.280	596.233.580
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	234.160.960	571.972.731
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	824.993.955	1.235.796.175
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	394.170.090	852.019.963
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	69.377.142	137.483.122
Công ty CP Sách Dân Tộc	305.275.813	422.419.328
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	85.838.671	191.702.493
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	7.953.237	116.819.723
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	92.070.192	117.269.472
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	293.466	2.487.681.175
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	191.800.600	1.291.800.600
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông	163.055.269	157.205.388

**d. Giao dịch khác**

		<b>Năm 2013</b>
		<b>VND</b>
Ban Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	932.978.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	228.250.000

**33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

**33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

**34. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 5.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2014

